| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TT**<br>**TỈNH T** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:33/2021/QĐST-HNGĐ | *TT, ngày 30 tháng 3 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; sinh năm 1992
- Bị đơn: Anh Lê Thọ C; sinh năm 1987

Đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn VB, xã T2, huyện TT, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Lê Thọ C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con C: Vợ chồng có 02 con C là cháu Lê Bảo Tr; sinh ngày 16/12/2013 và cháu Lê Hoàng N; sinh ngày13/05/2016. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và cháu Trâm cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con C cùng anh. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con C không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản: Chị Bùi Thị H và anh Lê Thọ C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Bùi Thị H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2018/0003021 ngày 05/03/2021. Chị Bùi Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã T2;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Quân**